

Số: 0603/2024/CBTT-PIV

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần PIV (MCK: PIV) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. **BCTC Năm 2023** theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

- ☒ BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

2. Các **văn bản giải trình** phải công bố thông tin **đồng thời** cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có☐ Không**LÊ HOÀNG LONG**



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

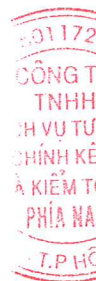
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5943 - 3820 5944; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

I. CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PIV được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102636059 đăng ký lần đầu ngày 29/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 16/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh : 173.249.420.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 : 173.249.420.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Unit 9 tầng 12, Tòa nhà Century Tower, số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Buôn bán và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Bán buôn xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp. Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật. Sản xuất mô tô, xe máy. Bán lẻ xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng xe đạp. Sửa chữa và thay thế phụ tùng xe đạp, kể cả xe đạp điện.

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh xe máy điện, xe đạp.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm

Công ty con:

Không có

Công ty liên kết:

Không có

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân:

Địa điểm kinh doanh số 1 Công ty Cổ phần PIV Số 495 Quang Trung, phường Phú La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội.

Địa điểm kinh doanh số 2 Công ty Cổ phần PIV Số 92 Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Địa điểm kinh doanh số 3 Công ty Cổ phần PIV Số 82-84 Nguyễn Hữu Huân, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Địa điểm kinh doanh số 4 Công ty Cổ phần PIV Tầng 1, số 51 Lê Hồng Phong, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Địa điểm kinh doanh số 5 Công ty Cổ phần PIV Thôn Thượng Khuông, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 lỗ 5.568.102.240 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2022 lợi nhuận sau thuế lỗ 143.066.667.336 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2023 âm 170.696.603.573 VND (Tại thời điểm 31/12/2022 lợi nhuận chưa phân phối âm 165.128.501.333 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông VŨ MẠNH HÙNG	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông TRƯƠNG TUẤN ANH	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông LÊ HOÀNG LONG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông ĐÀM HOÀNG ANH	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông NGÔ LÊ BẢO LONG	Thành viên độc lập	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Bà NGUYỄN LAN PHƯƠNG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông NGUYỄN DUY BẰNG	Thành viên độc lập	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông NGUYỄN HỒNG QUÂN	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)

Ban Giám đốc

Ông LÊ HOÀNG LONG	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19/04/2023)
Ông VŨ MẠNH HÙNG	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 19/04/2023)

Ban Kiểm soát

Ông PHAN ĐÌNH HIỆU	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 19/04/2023)
Ông HOÀNG TIẾN THÀNH	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)
Bà NGUYỄN THU HƯỜNG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Bà LƯƠNG THU TRANG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Bà ĐẶNG THỊ NỤ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông NGUYỄN HỮU SÁNG	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)

Kế toán trưởng

Bà PHẠM CẨM NGÂN

Đại diện pháp luật

Ông VŨ MẠNH HÙNG	Chủ tịch HĐQT
Ông LÊ HOÀNG LONG	Tổng Giám đốc

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

TP. Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

TM. Hội đồng Quản trị



VŨ MẠNH HÙNG

Chủ tịch HĐQT

TP. Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Giám đốc

LÊ HOÀNG LONG

Tổng Giám đốc

501172
CÔNG T
TNHH
CH VỤ T
CHÍNH K
KIỂM T
PHÍA N
T.P H

Số: 92.../BCKT-TC/2024/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần PIV, được lập ngày 01/02/2024, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần PIV tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác ký ngày 02/03/2023 với ý kiến từ chối đưa ra ý kiến. Các vấn đề từ chối đưa ra ý kiến của kiểm toán viên tiền nhiệm đã được Công ty xử lý và khắc phục cụ thể như sau:

- Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty bắt đầu khôi phục kinh doanh và phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh từ tháng 12 năm 2022 với doanh thu là 235.925.924 đồng. Tại thời điểm 31/12/2022 lỗ lũy kế của Công ty là 165.128.501.333 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng sinh lời trong tương lai, khả năng huy động vốn của Công ty cũng như khả năng tài trợ vốn cổ phần của các chủ sở hữu.

Trong năm 2023 Công ty đã thoái vốn xong khoản đầu tư vào Công ty CP BOT Cầu Thái Hà và bắt đầu khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh với doanh thu năm 2023 là 6.412.470.272 đồng. Tại thời điểm 31/12/2023 Nợ ngắn hạn nhỏ hơn Tài sản ngắn hạn, Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ không còn bị âm, Lỗ lũy kế của Công ty nhỏ hơn Vốn góp của chủ sở hữu. Để có nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh các cổ đông và bên liên quan đã có cam kết tài trợ vốn cho Công ty với tổng giá trị là 67 tỷ đồng và đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tổng số thuế phải nộp tại thời điểm 31/12/2022 là 6.710.805.699 đồng. Đây là các khoản thuế đã tồn tại từ những năm trước mà Công ty chưa thu xếp tài chính để thực hiện nghĩa vụ nộp cho ngân sách Nhà nước, do đó ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp cho ngân sách Nhà nước số tiền thuế 6.710.805.699 đồng nêu trên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

Kiểm toán viên

VÕ THỊ MỸ HƯƠNG

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0858-2023-142-1

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc**



NGUYỄN THỊ TUYẾT

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0624-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.635.554.302	15.319.283.892
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.728.229.189	336.110.538
Tiền	111	V.1	1.728.229.189	336.110.538
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	14.525.016.600
Chứng khoán kinh doanh	121	V.4	-	156.601.280.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.4	-	(142.076.263.400)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.4	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		585.982.299	246.060.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	-	2.905.670.331
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	579.164.115	815.520.535
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6.818.184	63.660.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	(3.538.790.866)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		321.342.814	212.096.754
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	36.690.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11.	284.652.814	212.096.754
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		494.409.093	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		135.000.000	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	135.000.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		167.040.451	-
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	31.295.458	-
- Nguyên giá	222		36.818.182	5.672.635.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.522.724)	(5.672.635.204)



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	135.744.993	-
- Nguyên giá	228		153.600.000	31.284.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.855.007)	(31.284.600)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4	-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		192.368.642	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	192.368.642	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.129.963.395	15.319.283.892



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		359.617.624	6.980.835.881
I. Nợ ngắn hạn	310		359.617.624	6.980.835.881
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	78.236.382	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	-	6.710.805.699
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12.	235.743.504	224.392.444
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.637.738	45.637.738
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.12.	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.770.345.771	8.338.448.011
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	2.770.345.771	8.338.448.011
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.13.	173.249.420.000	173.249.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.13.	173.249.420.000	173.249.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.13.	(261.600.000)	(261.600.000)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		443.972.144	443.972.144
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.157.200	35.157.200
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.13.	(170.696.603.573)	(165.128.501.333)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(165.128.501.333)	(22.061.833.997)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.568.102.240)	(143.066.667.336)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

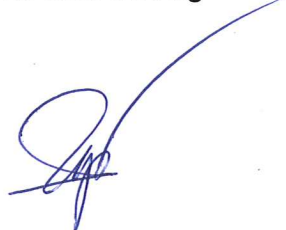
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.129.963.395	15.319.283.892

Người lập biểu



PHẠM CẨM NGÂN

Kế toán trưởng



PHẠM CẨM NGÂN

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc




LÊ HOÀNG LONG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.412.470.272	235.925.924
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6.412.470.272	235.925.924
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	5.928.716.338	224.129.630
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		483.753.934	11.796.294
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	381.119	24.221
Chi phí tài chính	22	VI.5	2.994.906.600	142.077.246.617
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1.654.616.463	990.095.636
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(4.165.388.010)	(143.055.521.738)
Thu nhập khác	31	VI.6	184.966.152	-
Chi phí khác	32	VI.7	1.587.680.382	11.145.598
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.402.714.230)	(11.145.598)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(5.568.102.240)	(143.066.667.336)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(5.568.102.240)	(143.066.667.336)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(321)	(8.258)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(321)	(8.258)

Người lập biểu



PHẠM CẨM NGÂN

Kế toán trưởng



PHẠM CẨM NGÂN

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



LÊ HOÀNG LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.989.456.621	254.824.221
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(8.989.706.386)	(508.960.000)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(548.150.000)	(267.645.890)
Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
Thuế TNDN đã nộp	05		(4.814.547.979)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.651.886.166	143.193.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.897.200.890)	(202.641.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.391.737.532	(581.229.831)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		381.119	24.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		381.119	24.221
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		1.392.118.651	(581.205.610)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	336.110.538	918.299.365
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(983.217)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	1.728.229.189	336.110.538

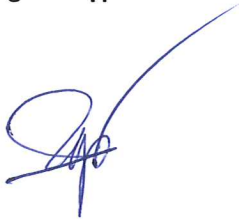
CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Unit 9 tầng 12, Tòa nhà Century Tower, số 458 Minh Khai, phường Vĩnh
Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Người lập biểu



PHẠM CẨM NGÂN

Kế toán trưởng



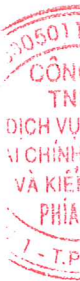
PHẠM CẨM NGÂN

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



LÊ HOÀNG LONG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2023****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PIV được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102636059 đăng ký lần đầu ngày 29/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 16/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh : 173.249.420.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 : 173.249.420.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Unit 9 tầng 12, Tòa nhà Century Tower, số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Số lượng Cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 06 người (tại ngày 31/12/2022 là 09 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Buôn bán và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Bán buôn xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp. Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật. Sản xuất mô tô, xe máy. Bán lẻ xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng xe đạp. Sửa chữa và thay thế phụ tùng xe đạp, kể cả xe đạp điện.

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh xe máy điện, xe đạp.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm

Công ty con:

Không có

Công ty liên kết:

Không có

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân:

Địa điểm kinh doanh số 1 Số 495 Quang Trung, phường Phú La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội.

Công ty Cổ phần PIV

Địa điểm kinh doanh số 2 Số 92 Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Công ty Cổ phần PIV

Địa điểm kinh doanh số 3 Số 82-84 Nguyễn Hữu Huân, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm,

Công ty Cổ phần PIV TP. Hà Nội.

Địa điểm kinh doanh số 4
Công ty Cổ phần PIV

Tầng 1, số 51 Lê Hồng Phong, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP.
Hà Nội.

Địa điểm kinh doanh số 5
Công ty Cổ phần PIV

Thôn Thượng Khuông, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải
Dương.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | | |
|----------------------|----|-----|
| - Thiết bị văn phòng | 05 | năm |
| - Phần mềm máy tính | 05 | năm |

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

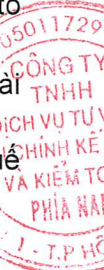
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi kinh doanh chứng khoán và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...



10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

14. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	15.589.871	13.180.168
- Tiền gửi ngân hàng	1.712.639.318	322.930.370
+ Tiền gửi (VND)	1.712.639.318	316.808.448
+ Tiền gửi (USD)	-	6.121.922
Cộng	1.728.229.189	336.110.538

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	-	1.686.450.000
- Công ty CP Đầu tư và XNK Bình Minh	-	1.219.220.331
- Đối tượng khác	-	-
Cộng	-	2.905.670.331

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Trả trước cho các bên khác	86.964.955	665.520.535
- Công ty CP DV đường cao tốc Việt Nam	-	400.000.000
- Công ty Dịch vụ Tư vấn TCKT & Kiểm toán Phía Nam	60.000.000	-
- Công ty CP Trung Tín	-	233.120.535
- Các bên khác	26.964.955	32.400.000
Trả trước cho các bên liên quan	492.199.160	150.000.000
- Công ty TNHH Phát triển TM và DV Hải Kim	492.199.160	-
- Công ty TNHH Quản lý Đầu tư và Phát triển Thăng Long	-	150.000.000
Cộng	579.164.115	815.520.535

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**4.1. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	-	156.601.280.000	14.525.016.600	(142.076.263.400)
Công ty CP BOT Cầu Thái Hà (*)	-	-	-	156.601.280.000	14.525.016.600	(142.076.263.400)
Cộng	-	-	-	156.601.280.000	14.525.016.600	(142.076.263.400)

Ghi chú:

(*) Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện thoái vốn tại Công ty CP BOT Cầu Thái Hà theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 1201/2023/NQ-HĐQT ngày 12/01/2023.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	-	-	63.660.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Phải thu khác	6.818.184	-	-	-
+ Đối tượng khác	6.818.184	-	-	-
Cộng	6.818.184	-	63.660.000	-
Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	135.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Đăng Lam Hồng	75.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Hải Kim	60.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	135.000.000	-	-	-

6 . NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	3.538.790.866	-
<u>Chi tiết:</u>				
+ Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	-	-	1.686.450.000	-
+ Công ty CP Đầu tư và XNK Bình Minh	-	-	1.219.220.331	-
+ Công ty CP Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam	-	-	400.000.000	-
+ Công ty CP Trung Tín	-	-	233.120.535	-
+ Đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	3.538.790.866	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Unit 9 tầng 12, Tòa nhà Century Tower, số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	-	5.672.635.204
Số tăng trong năm	-	-	-	36.818.182	-	36.818.182
- Mua trong năm	-	-	-	36.818.182	-	36.818.182
- Đầu tư XDCCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	-	5.672.635.204
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.636.363.636	1.672.363.636	-	-	5.308.727.272
- Giảm khác	-	-	-	363.907.932	-	363.907.932
Số dư cuối năm	-	-	-	36.818.182	-	36.818.182
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	-	5.672.635.204
Số tăng trong năm	-	-	-	5.522.724	-	5.522.724
- Khấu hao trong năm	-	-	-	5.522.724	-	5.522.724
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	-	5.672.635.204
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.636.363.636	1.672.363.636	-	-	5.308.727.272
- Giảm khác	-	-	-	363.907.932	-	363.907.932
Số dư cuối năm	-	-	-	5.522.724	-	5.522.724
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	31.295.458	-	31.295.458

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản - VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng - VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý - VND

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Chứng nhận ISO	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	31.284.600	31.284.600
Số tăng trong năm	-	-	153.600.000	153.600.000
- Mua trong năm	-	-	153.600.000	153.600.000
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	31.284.600	31.284.600
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	31.284.600	31.284.600
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	153.600.000	153.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	31.284.600	31.284.600
Số tăng trong năm	-	-	17.855.007	17.855.007
- Khấu hao trong năm	-	-	17.855.007	17.855.007
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	31.284.600	31.284.600
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	31.284.600	31.284.600
Số dư cuối năm	-	-	17.855.007	17.855.007
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	135.744.993	135.744.993

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

- VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- VND

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**9.1. Ngắn hạn**

- CCDC xuất dùng
- Chi phí mua bảo hiểm
- Chi phí đi vay
- Chi phí khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	31.540.000	-
	-	-
	-	-
	5.150.000	-
Cộng	36.690.000	-

9.2. Dài hạn

- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí mua bảo hiểm
- CCDC xuất dùng
- Chi phí khác

	-	-
	-	-
	98.564.480	-
	93.804.162	-
Cộng	192.368.642	-

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nhật Nam	78.236.382	78.236.382	-	-
Đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	78.236.382	78.236.382	-	-

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
11.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	880.636.366	-	880.636.366	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.814.547.979	-	4.814.547.979	-
Thuế thu nhập cá nhân	48.446.202	-	48.446.202	-
Các loại thuế khác	879.359.272	4.000.000	883.359.272	-
Phí, lệ phí phải nộp	87.815.880	28.540.000	116.355.880	-
Cộng	6.710.805.699	32.540.000	6.743.345.699	-
11.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
12.1. Ngắn hạn		
- KPCĐ	42.090.810	42.090.810
- BHXH, BHYT, BHTN	193.652.694	182.301.634
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	235.743.504	224.392.444

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

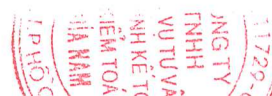
Unit 9 tầng 12, Tòa nhà Century Tower, số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	173.249.420.000	(261.600.000)	35.157.200	-	443.972.144	(22.061.833.997)	151.405.115.347
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(143.066.667.336)	(143.066.667.336)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	173.249.420.000	(261.600.000)	35.157.200	-	443.972.144	(165.128.501.333)	8.338.448.011
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(5.568.102.240)	(5.568.102.240)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	173.249.420.000	(261.600.000)	35.157.200	-	443.972.144	(170.696.603.573)	2.770.345.771



13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	173.249.420.000	173.249.420.000

Cộng	173.249.420.000	173.249.420.000
-------------	------------------------	------------------------

13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	173.249.420.000	173.249.420.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	173.249.420.000	173.249.420.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

13.4. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.324.942	17.324.942
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu phổ thông	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu phổ thông	17.324.942	17.324.942
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

13.5. Cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

13.6. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	443.972.144	443.972.144
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	35.157.200	35.157.200

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

14.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	-	261,17

14.2. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	1.686.450.000	30/06/2023	Xử lý nợ khó đòi
Công ty CP Đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	30/06/2023	Xử lý nợ khó đòi
Công ty CP Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	30/06/2023	Xử lý nợ khó đòi
Công ty CP Trung Tín	233.120.535	30/06/2023	Xử lý nợ khó đòi
Cộng	3.538.790.866		

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	6.412.470.272	235.925.924
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	6.412.470.272	235.925.924

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng bán	5.928.716.338	224.129.630
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	-	-
Cộng	5.928.716.338	224.129.630

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	381.119	24.221
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi kinh doanh chứng khoán	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	381.119	24.221

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	-	-
- Lỗ kinh doanh chứng khoán	2.994.906.600	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	983.217
- Dự phòng tổn thất đầu tư	-	142.076.263.400
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	2.994.906.600	142.077.246.617

6 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	181.818.182	-
- Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	-	-
- Các khoản khác	3.147.970	-
Cộng	184.966.152	-

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý TSCĐ	-	-
- Các khoản tiền nộp phạt	1.587.669.377	11.145.598
- Các khoản khác	11.005	-
Cộng	1.587.680.382	11.145.598

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	295.715.216	-
- Chi phí nhân công	548.150.000	339.829.226
- Chi phí khấu hao	23.377.731	557.624.601
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	3.000.000
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	694.386.842	88.603.161
- Chi phí khác bằng tiền	88.986.674	1.038.648
Cộng	1.654.616.463	990.095.636

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	295.715.216	-
- Chi phí nhân công	548.150.000	339.829.226
- Chi phí khấu hao TSCĐ	23.377.731	557.624.601
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	694.386.842	88.603.161
- Chi phí bằng tiền khác	88.986.674	1.038.648
Cộng	1.654.616.463	990.095.636

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	-	-

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(5.568.102.240)	(143.066.667.336)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(5.568.102.240)	(143.066.667.336)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.324.942	17.324.942
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(321)	(8.258)

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(5.568.102.240)	(143.066.667.336)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.324.942	17.324.942
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(321)	(8.258)

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
- Các giao dịch phi tiền tệ khác	-	-

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Không có.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
+ Chi phí tiền lương	188.000.000	152.168.027
+ Thù lao	-	-

Trong đó:

Năm 2023

Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
Lê Hoàng Long	Tổng Giám đốc	188.000.000	-
Phạm Cẩm Ngân	Kế toán trưởng	-	-
TỔNG CỘNG		188.000.000	-

Năm 2022

Vũ Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	20.000.000	-
Đỗ Quang	Tổng Giám đốc	16.861.654	-
Đặng Thị Nụ	Thành viên BKS	103.306.373	-
Phạm Cẩm Ngân	Kế toán trưởng	12.000.000	-
TỔNG CỘNG		152.168.027	-

Các giao dịch khác	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Ông Vũ Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT		
+ Công ty mượn tiền		1.150.000.000	-
+ Công ty trả tiền		1.150.000.000	-
Giao dịch mua bán		-	-
- Ông Ngô Lê Bảo Long	Thành viên HĐQT		
+ Mua hàng hoá		27.181.818	-
- Ông Lê Hoàng Long	Tổng giám đốc		
+ Mua hàng hoá		4.157.407	-
- Bà Lương Thu Trang	Thành viên BKS		
+ Mua hàng hoá		1.666.667	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Chức vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải thu:		-	-
Các khoản phải trả:		-	-

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Dịch vụ Hải Kim (*)	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	
Công ty CP Đầu tư Hải Kim	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư và Phát triển Thăng Long	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	

Ghi chú: (*) Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Dịch vụ Hải Kim không còn là bên liên quan kể từ ngày 14/04/2023.

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Dịch vụ Hải Kim	Thanh toán tiền	6.620.095.898
	Mua hàng hóa	6.593.006.739
	Bán hàng hóa	375.710.001
	Bù trừ công nợ	375.710.001
Công ty CP Đầu tư Hải Kim	Đặt cọc thuê nhà và showroom	60.000.000
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư và Phát triển Thăng Long	Thuê văn phòng	150.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ
- Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Dịch vụ Hải Kim	Trả trước tiền mua hàng	492.199.160
- Phải thu khác		
Công ty CP Đầu tư Hải Kim	Đặt cọc thuê nhà và showroom	60.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh xe máy điện, xe đạp không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

a/ Về tài chính:

- Tại ngày 31/12/2023 số lỗ lũy kế của Công ty là 170.696.603.573 VND chưa vượt số vốn điều lệ. Như vậy, Nợ phải trả nhỏ hơn Tổng tài sản 2.770.345.771 VND.

- Về Nợ ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn Tài sản ngắn hạn là 2.275.936.678 VND. Như vậy, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty vẫn đảm bảo.

- Khả năng thanh toán các khoản nợ: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ theo các Hợp đồng vay. Công ty không có phụ thuộc quá nhiều các khoản vay ngắn hạn tài trợ cho các tài sản dài hạn.

- Các chủ nợ không có dấu hiệu ngừng hoặc thu hồi các hỗ trợ tài chính.

- Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh không bị âm.

- Không có sự suy giảm lớn về giá trị của các tài sản.

- Không có nợ phải trả tồn đọng hoặc phải ngừng thanh toán cổ tức cho cổ đông đã được ĐHCĐ thông qua trước đó.

- Các dấu hiệu về tuân thủ hợp đồng tín dụng; chuyển đổi giao dịch từ mua chịu sang thanh toán ngay; không có khả năng tìm kiếm các nguồn tài trợ: Không có.

b/ Về hoạt động:

- Ban Giám đốc có ý định ngừng hoạt động hay giải thể Công ty: Không có.

- Thiếu thành phần lãnh đạo chủ chốt mà không được thay thế: Không có.
- Mất thị trường lớn, khách hàng quan trọng, mất quyền kinh doanh, nhượng quyền thương mại hoặc mất nhà cung cấp quan trọng: Không có.
- Gặp khó khăn về lao động: Không có.
- Thiếu hụt vật tư đầu vào chủ yếu: Không có.
- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh mới thành công hơn: Không có.

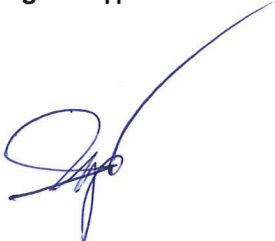
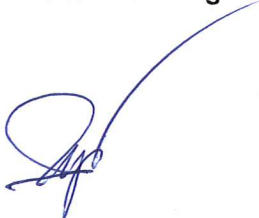
c/ Các dấu hiệu khác:

- Không tuân thủ các quy định về góp vốn cũng như những quy định khác: Không có.
- Đơn vị đang bị kiện nếu thua đơn vị không có khả năng đáp ứng: Không có.
- Thay đổi về pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị: Không có.
- Xảy ra các rủi ro, tổn thất mà không được bảo hiểm hoặc BH với giá trị thấp: Không có.

Ngoài ra, không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

4 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Người lập biểu**PHẠM CẨM NGÂN****Kế toán trưởng****PHẠM CẨM NGÂN***Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2024***Tổng Giám đốc****LÊ HOÀNG LONG**